

A. Tâm $I(1/2; 1; 3/2)$; bán kính $R = \frac{\sqrt{13}}{2}$

B. Tâm $I(1; 1; 3)$; bán kính $R = \frac{\sqrt{14}}{2}$

C. Tâm $I(1; 2; 3)$; bán kính $R = \sqrt{14}$

D. Tâm $I(1/2; 1; 3/2)$; bán kính $R = \frac{\sqrt{14}}{2}$

Câu 135. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho điểm $I(1; -2; 3)$. Viết phương trình mặt cầu tâm I và tiếp xúc với trục Oy .

A. $(x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 10$

B. $(x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 16$

C. $(x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 8$

D. $(x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 9$

Câu 136. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \frac{x+5}{2} = \frac{y-7}{-2} = \frac{z}{1}$ và điểm $M(4; 1; 6)$.

Đường thẳng d cắt mặt cầu (S) , có tâm M , tại hai điểm A, B sao cho $AB = 6$. Viết phương trình của mặt cầu (S) .

A. $(x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 12$

B. $(x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 18$

C. $(x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 16$

D. $(x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 9$

Câu 137. Cho mặt phẳng $(P): 2x - 2y - z - 4 = 0$ và mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 - 2x - 4y - 6z - 11 = 0$. Bán kính đường tròn giao tuyến là:

A.2

B.3

C.4

D.5

Câu 138. Mặt cầu tâm $I(1; -2; 3)$ tiếp xúc với mặt phẳng $(P) : 2x - y + 2z - 1 = 0$ có phương trình :

A. $(x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 3$

B. $(x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 9$

C. $(x+1)^2 + (y-2)^2 + (z+3)^2 = 9$

D. $(x+1)^2 + (y-2)^2 + (z+3)^2 = 3$

Câu 139. Cho mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 4y + 1 = 0$ có tâm I và bán kính R là:

A. $I(1; -2; 0), R = 2$

B. $I(1; -2; 0), R = \sqrt{6}$

C. $I(1; -2; 1), R = 2$

D. $I(1; -2; 1), R = \sqrt{6}$

Câu 140. Cho $(P): x + 2y + 2z - 1 = 0$ cắt mặt cầu (S) theo một đường tròn giao tuyến có bán kính $r = 1/3$, biết tâm của (S) là $I(1; 2; 2)$. Khi đó, bán kính mặt cầu (S) là:

A. $\frac{\sqrt{1+2\sqrt{2}}}{3}$

B. $\sqrt{\frac{1+2\sqrt{2}}{3}}$

C. 1

D. $\frac{\sqrt{7}}{3}$

Câu 141. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho ba điểm $A(2; 0; 0), C(0; 4; 0), S(0; 0; 4)$. Tìm tọa độ điểm B trong mp(Oxy) sao cho tứ giác $OABC$ là hình chữ nhật. Viết phương trình mặt cầu đi qua bốn điểm O, B, C, S .

A. $(P): (x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-2)^2 = 4$

B. $(P): (x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-2)^2 = 16$

C. $(P): (x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-2)^2 = 9$

D. $(P): (x-1)^2 + (y-2)^2 + (z-2)^2 = 25$

Câu 142. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho ba điểm $A(-1; 0; 1), B(1; 2; -1), C(-1; 2; 3)$ và I là tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC . Lập phương trình mặt cầu (S) có tâm I và tiếp xúc với mặt phẳng (Oxz) .

A. $x^2 + (y-2)^2 + (z-1)^2 = 8$

C. $x^2 + (y-2)^2 + (z-1)^2 = 10$

B. $x^2 + (y-2)^2 + (z-1)^2 = 4$

D. $x^2 + (y-2)^2 + (z-1)^2 = 6$

Câu 143. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho điểm $I(1; -2; 3)$. Viết phương trình mặt cầu tâm I và tiếp xúc với trục Oy .

- A. $(x - 1)^2 + (y + 2)^2 + (z - 3)^2 = 5$
- B. $(x - 1)^2 + (y + 2)^2 + (z - 3)^2 = 15$
- C. $(x - 1)^2 + (y + 2)^2 + (z - 3)^2 = 10$
- D. $(x - 1)^2 + (y + 2)^2 + (z - 3)^2 = 20$

Câu 144. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hai đường thẳng: $(d_1) : \begin{cases} x = 2t \\ y = t \\ z = 4 \end{cases}$ và $(d_2) : \begin{cases} x = 3 - t \\ y = t \\ z = 0 \end{cases}$.

Viết phương trình mặt cầu (S) có đường kính là đoạn vuông góc chung của (d_1) và (d_2) .

- A. $(x - 2)^2 + (y - 1)^2 + (z - 3)^2 = 4.$
- B. $(x - 2)^2 + (y + 1)^2 + (z - 2)^2 = 4.$
- C. $(x - 2)^2 + (y - 1)^2 + (z - 2)^2 = 14.$
- D. $(x - 2)^2 + (y - 1)^2 + (z - 2)^2 = 4.$

Câu 145. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hai đường thẳng: $d_1 : \frac{x-2}{1} = \frac{y-1}{-1} = \frac{z}{2}$ và

$d_2 : \begin{cases} x = 2 - 2t' \\ y = 3 \\ z = t' \end{cases}$. Viết phương trình mặt cầu (S) có đường kính là đoạn vuông góc chung của (d_1) và (d_2) .

- A. $(S) : \left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y - \frac{13}{6}\right)^2 + \left(z + \frac{1}{3}\right)^2 = \frac{5}{6}$
- B. $(S) : \left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y - \frac{13}{6}\right)^2 + \left(z + \frac{1}{3}\right)^2 = \frac{15}{6}$

C. (S): $\left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{13}{6}\right)^2 + \left(z + \frac{1}{3}\right)^2 = \frac{5}{6}$

D. (S): $\left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y - \frac{13}{6}\right)^2 + \left(z - \frac{1}{3}\right)^2 = \frac{5}{6}$

Câu 146. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hai đường thẳng: $d_1: \begin{cases} x=2t \\ y=t \\ z=4 \end{cases}$ và $d_2: \begin{cases} x=3-t \\ y=t \\ z=0 \end{cases}$. Viết phương trình mặt cầu có bán kính nhỏ nhất tiếp xúc với cả hai đường thẳng d_1 và d_2 .

A. (S): $(x-2)^2 + (y+1)^2 + (z-2)^2 = 4$

B. (S): $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z-2)^2 = 16$

C. (S): $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z-2)^2 = 4$

D. (S): $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z+3)^2 = 4$

Câu 147. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho đường thẳng (Δ_1) có phương trình $\begin{cases} x=2t \\ y=t \\ z=4 \end{cases}$; (Δ_2) là giao tuyến của 2 mặt phẳng $(\alpha): x+y-3=0$ và $(\beta): 4x+4y+3z-12=0$. viết phương trình mặt cầu nhận đoạn vuông góc chung của Δ_1, Δ_2 làm đường kính.

A. $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z+2)^2 = 4$

B. $(x-2)^2 + (y+1)^2 + (z-2)^2 = 4$

C. $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z-2)^2 = 16$

D. $(x-2)^2 + (y-1)^2 + (z-2)^2 = 4$

Câu 148. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có $A \equiv O$, $B(3;0;0)$, $D(0;2;0)$, $A'(0;0;1)$. Viết phương trình mặt cầu tâm C tiếp xúc với AB' .

A. $(x-3)^2 + (y-2)^2 + z^2 = \frac{49}{10}$

B. $(x-3)^2 + (y-2)^2 + z^2 = \frac{64}{10}$

C. $(x-3)^2 + (y-2)^2 + z^2 = \frac{25}{10}$

D. $(x-3)^2 + (y-2)^2 + z^2 = \frac{81}{10}$

Câu 149. Trong không gian với hệ trục tọa độ $Oxyz$, cho 4 điểm $A(1; -1; 2), B(1; 3; 2), C(4; 3; 2), D(4; -1; 2)$ và mặt phẳng (P) có phương trình: $x + y + z - 2 = 0$. Gọi A' là hình chiếu của A lên mặt phẳng Oxy . Gọi (S) là mặt cầu đi qua 4 điểm A', B, C, D . Xác định tọa độ tâm (H) và bán kính của đường tròn (C) là giao của (P) và (S) .

A. $H\left(\frac{5}{3}; \frac{1}{6}; -\frac{1}{6}\right) R = \frac{\sqrt{86}}{6}$

B. $H\left(\frac{5}{3}; -\frac{1}{6}; \frac{1}{6}\right) R = \frac{\sqrt{18}}{6}$

C. $H\left(\frac{5}{3}; \frac{1}{6}; \frac{1}{6}\right) R = \frac{\sqrt{186}}{6}$

D. $H\left(-\frac{5}{3}; \frac{1}{6}; \frac{1}{6}\right) R = \frac{\sqrt{186}}{2}$

Câu 150. Trong không gian với hệ trục tọa độ $Oxyz$, cho điểm $A(1; -2; 3)$ và đường thẳng d có phương trình $\frac{x+1}{2} = \frac{y-2}{1} = \frac{z+3}{-1}$. Viết phương trình mặt cầu tâm A , tiếp xúc với d .

A. $(S): (x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 50$

B. $(S): (x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 70$

C. $(S): (x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 6$

D. $(S): (x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 80$

Câu 151. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \frac{x+5}{2} = \frac{y-7}{-2} = \frac{z}{1}$ và điểm $M(4; 1; 6)$.

Đường thẳng d cắt mặt cầu (S) , có tâm M , tại hai điểm A, B sao cho $AB = 6$. Viết phương trình của mặt cầu (S) .

A. $(S): (x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 18$

B. $(S): (x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 20$

C. $(S): (x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 24$

D. $(S): (x-4)^2 + (y-1)^2 + (z-6)^2 = 22$

Câu 152. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho mặt phẳng $(\alpha): 2x - y + 2z - 3 = 0$ và mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 4y - 8z - 4 = 0$. Viết phương trình mặt cầu (S') đối xứng với mặt cầu (S) qua mặt phẳng (α) .

A. $(S'): (x+3)^2 + y^2 + z^2 = 16$

B. $(S'): (x+3)^2 + y^2 + z^2 = 9$

C. $(S'): (x+3)^2 + y^2 + z^2 = 4$

D. $(S'): (x+3)^2 + y^2 + z^2 = 25$

Câu 153. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, lập phương trình mặt cầu (S) biết rằng mặt phẳng Oxy và mặt phẳng $(P): z = 2$ lần lượt cắt (S) theo hai đường tròn có bán kính bằng 2 và 8.

A. $(S): (x-a)^2 + (y-b)^2 + (z-16)^2 = 26 \quad (a, b \in \mathbb{R})$.

B. $(S): (x-a)^2 + (y-1)^2 + (z-16)^2 = 48 \quad (b \in \mathbb{R})$.

C. $(S): (x-a)^2 + (y-b)^2 + (z-16)^2 = 6 \quad (a, b \in \mathbb{R})$.

D. $(S): (x-a)^2 + (y-b)^2 + (z-16)^2 = 260 \quad (a, b \in \mathbb{R})$.

Câu 154. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho mặt phẳng $(P): 2x - y - 2z - 2 = 0$ và đường thẳng d :

$\frac{x}{-1} = \frac{y+1}{2} = \frac{z-2}{1}$. Viết phương trình mặt cầu (S) có tâm I thuộc d , I cách (P) một khoảng bằng 2 và (P) cắt

(S) theo một đường tròn (C) có bán kính bằng 3.

A. (S): $\left(x + \frac{1}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{2}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{13}{6}\right)^2 = 14$ hoặc (S): $\left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{14}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{1}{6}\right)^2 = 14$

B. (S): $\left(x + \frac{1}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{2}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{13}{6}\right)^2 = 15$ hoặc (S): $\left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{14}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{1}{6}\right)^2 = 15$

C. (S): $\left(x + \frac{1}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{2}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{13}{6}\right)^2 = 17$ hoặc (S): $\left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{14}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{1}{6}\right)^2 = 17$

D. (S): $\left(x + \frac{1}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{2}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{13}{6}\right)^2 = 13$ hoặc (S): $\left(x - \frac{11}{6}\right)^2 + \left(y + \frac{14}{3}\right)^2 + \left(z - \frac{1}{6}\right)^2 = 13$

Câu 155. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho 2 điểm $A(0; 0; 4)$, $B(2; 0; 0)$ và mặt phẳng (P): $2x + y - z + 5 = 0$. Lập phương trình mặt cầu (S) đi qua O, A, B và có khoảng cách từ tâm I của mặt cầu đến mặt phẳng (P) bằng $\frac{5}{\sqrt{6}}$.

A. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x - 4z = 0$ hoặc (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 20y - 4z = 0$

B. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x - 4z = 0$ hoặc (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 20y - 4z = 0$

C. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x - 4z = 0$ hoặc (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 20y - 4z = 0$

D. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x - 4z = 0$ hoặc (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 20y - 4z = 0$

Câu 156. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho các điểm $A(1; 3; 4)$, $B(1; 2; -3)$, $C(6; -1; 1)$ và mặt phẳng $(\alpha): x + 2y + 2z - 1 = 0$. Lập phương trình mặt cầu (S) có tâm nằm trên mặt phẳng (α) và đi qua ba điểm A, B, C.

A. (S): $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z - 1)^2 = 16$

B. (S): $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z - 1)^2 = 9$

C. (S): $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z - 1)^2 = 49$

D. (S): $(x-1)^2 + (y+1)^2 + (z-1)^2 = 25$

Câu 157. Trong không gian Oxyz, cho đường thẳng $d: \frac{x-1}{1} = \frac{y+2}{1} = \frac{z}{1}$ và mặt phẳng (P): $2x + y - 2z + 2 = 0$. Lập phương trình mặt cầu (S) có tâm nằm trên d , tiếp xúc với mặt phẳng (P) và đi qua điểm $A(2; -1; 0)$.

A. (S): $\left(x - \frac{20}{13}\right)^2 + \left(y + \frac{19}{13}\right)^2 + \left(z - \frac{7}{13}\right)^2 = \frac{121}{169}$ hoặc (S): $(x-2)^2 + (y+1)^2 + (z-1)^2 = 1$

B. (S): $\left(x - \frac{20}{13}\right)^2 + \left(y + \frac{19}{13}\right)^2 + \left(z - \frac{7}{13}\right)^2 = \frac{121}{169}$ hoặc (S): $(x-3)^2 + y^2 + (z-2)^2 = 1$

C. (S): $\left(x - \frac{20}{13}\right)^2 + \left(y + \frac{19}{13}\right)^2 + \left(z - \frac{7}{13}\right)^2 = \frac{121}{169}$ hoặc (S): $(x-1)^2 + (y+2)^2 + z^2 = 1$

D. (S): $\left(x - \frac{20}{13}\right)^2 + \left(y + \frac{19}{13}\right)^2 + \left(z - \frac{7}{13}\right)^2 = \frac{121}{169}$ hoặc (S): $(x+1)^2 + (y+4)^2 + (z+2)^2 = 1$

Câu 158. Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho điểm $I(1; 2; -2)$, đường thẳng $\Delta: 2x - 2 = y + 3 = z$ và mặt phẳng (P): $2x + 2y + z + 5 = 0$. Viết phương trình mặt cầu (S) có tâm I sao cho mặt phẳng (P) cắt khối cầu theo thiết diện là hình tròn có chu vi bằng 8π

A. (S): $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z+2)^2 = 4$

B. (S): $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z+2)^2 = 16$

C. (S): $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z+2)^2 = 9$

D. (S): $(x-1)^2 + (y-2)^2 + (z+2)^2 = 25$

Câu 159. Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho đường thẳng $d: \begin{cases} x = t \\ y = -1 \\ z = -t \end{cases}$ và 2 mặt phẳng (P):

$x + 2y + 2z + 3 = 0$ và (Q): $x + 2y + 2z + 7 = 0$. Viết phương trình mặt cầu (S) có tâm I thuộc đường thẳng (d) và tiếp xúc với hai mặt phẳng (P) và (Q).

A. $(x - 2)^2 + (y + 1)^2 + (z + 2)^2 = \frac{16}{9}$

B. $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z + 1)^2 = \frac{2}{9}$

C. $(x - 4)^2 + (y + 1)^2 + (z + 4)^2 = 2$

D. $(x - 3)^2 + (y + 1)^2 + (z + 3)^2 = \frac{4}{9}$

Câu 160. Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho mặt phẳng (P): $x - 2y - 2z + 10 = 0$, hai đường thẳng $(\Delta_1): \frac{x-2}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z-1}{-1}$, $(\Delta_2): \frac{x-2}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z+3}{4}$. Viết phương trình mặt cầu (S) có tâm thuộc (Δ_1) , tiếp xúc với (Δ_2) và mặt phẳng (P).

A. $\left(x - \frac{11}{2}\right)^2 + \left(y - \frac{7}{2}\right)^2 + \left(z + \frac{5}{2}\right)^2 = \frac{81}{4}$ hoặc $(x - 2)^2 + y^2 + (z + 3)^2 = 9$

B. $\left(x - \frac{11}{2}\right)^2 + \left(y - \frac{7}{2}\right)^2 + \left(z + \frac{5}{2}\right)^2 = \frac{81}{4}$ hoặc $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z - 2)^2 = 9$

C. $\left(x - \frac{11}{2}\right)^2 + \left(y - \frac{7}{2}\right)^2 + \left(z + \frac{5}{2}\right)^2 = 9$ hoặc $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z - 2)^2 = 9$

D. $\left(x - \frac{11}{2}\right)^2 + \left(y - \frac{7}{2}\right)^2 + \left(z + \frac{5}{2}\right)^2 = \frac{81}{4}$ hoặc $(x - 1)^2 + (y + 1)^2 + (z - 2)^2 = 16$

Câu 161. Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho 3 điểm $A(3;1;1)$, $B(0;1;4)$, $C(-1;-3;1)$. Lập phương trình của mặt cầu (S) đi qua A, B, C và có tâm nằm trên mặt phẳng (P): $x + y - 2z + 4 = 0$.

A. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 2y - 4z - 3 = 0$

B. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 2y - 4z - 6 = 0$

C. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 2y - 4z - 7 = 0$

D. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 2y - 4z - 5 = 0$

Câu 162. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho hình lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có tam giác ABC vuông tại A , đỉnh A trùng với gốc tọa độ O , $B(1; 2; 0)$ và tam giác ABC có diện tích bằng 5. Gọi M là trung điểm của CC' . Biết rằng điểm $A'(0; 0; 2)$ và điểm C có tung độ dương. Viết phương trình mặt cầu ngoại tiếp tứ diện $AB'CM$.

A. (S): $x^2 + y^2 + z^2 + 3x - 3y - 3z + 1 = 0$

B. (S): $x^2 + y^2 + z^2 + 3x - 3y - 3z - 2 = 0$

C. (S): $x^2 + y^2 + z^2 + 3x - 3y - 3z = 0$

D. (S): $x^2 + y^2 + z^2 + 3x - 3y - 3z - 1 = 0$

Câu 163. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho tứ diện $ABCD$ với $A(2; 1; 0)$, $B(1; 1; 3)$, $C(2; -1; 3)$, $D(1; -1; 0)$. Tìm tọa độ tâm và bán kính của mặt cầu ngoại tiếp tứ diện $ABCD$.

A. $G\left(\frac{3}{2}; 0; \frac{3}{2}\right)$, $R = GA = \frac{\sqrt{17}}{2}$

B. $G\left(\frac{3}{2}; 0; \frac{3}{2}\right)$, $R = GA = \frac{\sqrt{14}}{3}$

C. $G\left(\frac{3}{2}; 0; \frac{3}{2}\right)$, $R = GA = \frac{\sqrt{13}}{2}$

D. $G\left(\frac{3}{2}; 0; \frac{3}{2}\right)$, $R = GA = \frac{\sqrt{14}}{2}$

Câu 164. Trong không gian với hệ trục tọa độ $Oxyz$, cho mặt phẳng (P): $x + 2y + 2z - 6 = 0$, gọi A, B, C lần lượt là giao điểm của (P) với các trục tọa độ Ox , Oy , Oz . Viết phương trình mặt cầu (S) ngoại tiếp tứ diện $OABC$,

A. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 6x - 3y - 3z - 1 = 0$

B. (S): $x^2 + y^2 + z^2 - 6x - 3y - 3z + 1 = 0$